

Bản án số: 908/2022/HC-PT
Ngày 21 – 11 – 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số: 490/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 8 năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2022/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2078/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2022; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1950; địa chỉ: Số 228C, đường NVG, Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (theo Giấy ủy quyền ngày 07/7/2022): Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 228C/1, đường NVG, Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Anh T – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 37, đường HV, Phường 7, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Anh Kh – Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT, (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1953, (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Q:

1.1. Bà Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp BP, xã TMC, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cẩm (theo Giấy ủy quyền ngày 08/10/2022): Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 25/1, đường ĐTN, Phường 5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

1.2. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1975, (vắng mặt);

1.3. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1978, (vắng mặt);

1.4. Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1980, (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 228C bis, đường NVG, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 229C, đường NVG, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 78C, ấp MT, xã MP, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1 và bà L (theo các Giấy ủy quyền ngày 18/12/2021 và ngày 08/10/2022): Ông Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 25/1, đường ĐTN, Phường 5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 228C bis, đường NVG, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 228C/1, đường NVG, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (có mặt).

6. Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: Số 47, đường HV, Phường 7, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Tại Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố MT phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ hộ Nguyễn Thị H; địa chỉ: Số 228C, đường NVG, Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, bị ảnh hưởng bởi công trình Kè và Đường dọc sông BD (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT) với nội dung:

Bồi thường, hỗ trợ hộ Nguyễn Thị H với số tiền 1.521.465.410đ (một tỷ năm trăm hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, bốn trăm mười đồng).

Giao Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT phối hợp với UBND Phường 3, thành phố MT, tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ Nguyễn Thị H.

Ngày 12/3/2021, bà H được giao nhận hai quyết định của Chủ tịch UBND thành phố MT:

+ Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, có nội dung:

Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn N - bà Nguyễn Thị D2 với số tiền 894.019.610đ (tám trăm chín mươi bốn triệu, không trăm mười chín ngàn, sáu trăm mười đồng).

Ông N, bà D2 đã chết, người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H.

Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT phối hợp với kho bạc Nhà nước Tiền Giang và UBND Phường 3 tổ chức chi trả tiền bồi thường,

hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn N - bà Nguyễn Thị D2 khi xác định được người hưởng di sản thừa kế đúng theo quy định của pháp luật.

+ Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 31/12/2020, có nội dung:

Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H với số tiền 627.445.800đ (sáu trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn, tám trăm đồng).

Lý do: thửa đất số 317, 318 (thửa số 22, tờ bản đồ số 5), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Nguyễn Thị H đứng tên đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất.

Cùng ngày 12/3/2021, bà H có đơn đề nghị nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, để có điều kiện tháo dỡ nhà, di dời giao mặt bằng cho Nhà nước, nhưng không được xem xét giải quyết.

Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố MT là không có căn cứ và không có tính hợp pháp, bởi lẽ vào thời điểm ban hành, tại địa chỉ 228C, đường NVG, Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT không có hộ ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D2, chỉ có hộ Nguyễn Thị H. Thực tế, phần đất mà bà Nguyễn Thị H đứng tên đại diện đã chia cho các em, ai cũng có phần, không ai tranh chấp.

Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thừa kế, trong đó có việc xác định người hưởng di sản thừa kế, thuộc thẩm quyền của Tòa án, không thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất Mỹ Tho.

Từ các căn cứ trên, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

+ Hủy Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố MT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ hộ ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2.

+ Giữ nguyên Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của Chủ tịch UBND thành phố MT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ hộ bà Nguyễn Thị H.

+ Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT có trách nhiệm thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Nguyễn Thị H để có điều kiện di dời, ngay sau khi án có hiệu lực.

Sau đó, đến ngày 04/5/2022, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện bổ sung và tại Phiên đối thoại ngày 02/6/2022 bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

+ Hủy một phần Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND thành phố MT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ hộ ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2.

+ Hủy một phần Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 tại Điều 1 và Điều 2.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang có văn bản trình bày:*

Thực hiện công trình Kè và Đường dọc sông BĐ (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT), UBND thành phố MT đã ban hành Quyết định số 7825/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc thu hồi 90,70m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 20, tờ bản đồ số 5, đối với bà Nguyễn Thị H, đất tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT đã được UBND thành phố MT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH01282 ngày 15/7/2015; và Quyết định số 7826/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc thu hồi 44,1m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 317 và 61,8m² đất thuộc thửa đất số 318, tờ bản đồ số 5 (trong đó đất ở là 20,70m², đất trồng cây lâu năm là 44,10m²) trên tổng diện tích đất 362,8m² đối với bà Nguyễn Thị H là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất được UBND thành phố MT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00967 ngày 29/11/2013; đất tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, và giải tỏa 01 phần căn nhà xây dựng trên thửa đất số 317, 318 để thực hiện công trình Kè và Đường dọc sông BĐ (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT). Đồng thời, ban hành Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 1.521.465.410 đồng, bao gồm: bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất thu hồi đối với thửa đất do bà H đứng tên cá nhân và thửa đất bà H đứng tên đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất (di sản thừa kế chưa lập thủ tục phân chia theo quy định của pháp luật). Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ của bà Nguyễn Thị H thấy rằng, do cơ quan tham mưu hiểu chưa đúng về “Hộ” và “Người đại diện” nên đã tham mưu UBND thành phố MT ban hành 01 quyết

định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ ghi “Hộ bà Nguyễn Thị H” cho 02 đối tượng sử dụng đất là cá nhân và người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không phù hợp với quy định của pháp luật mà cần phải ban hành 02 quyết định cho 02 đối tượng khác nhau.

Để đảm bảo việc chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật, UBND thành phố MT đã ban hành Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc điều chỉnh Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND thành phố MT về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H (thửa đất bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cá nhân), cụ thể: Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H với số tiền là 627.445.800 đồng do bị ảnh hưởng bởi công trình Kè và Đường dọc sông BĐ (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT). Đồng thời, ban hành Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N - bà Nguyễn Thị D2 (ông N, bà D2 đã chết, chưa phân chia di sản thừa kế, người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H), địa chỉ tại số 228C, đường NVG, Phường 3, thành phố MT, với số tiền 894.019.610 đồng.

Qua triển khai các quyết định nêu trên, bà Nguyễn Thị H đã thống nhất nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 9706/QĐ-UBND ngày 31/12/2020. Riêng đối với kinh phí bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 thì UBND thành phố MT chưa chi trả do đây là di sản thừa kế, những người được hưởng thừa kế di sản chưa lập thủ tục khai nhận, thủ tục phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và hiện đang phát sinh tranh chấp trong nội bộ những người được hưởng di sản thừa kế. Và theo khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *“Trường hợp diện tích đất thu hồi có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng”*.

Theo nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố MT về việc phê

duyet kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N - bà Nguyễn Thị D2 (ông N, bà D2 đã chết, chưa phân chia di sản thừa kế, người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H), địa chỉ số 228C, đường NVG, Phường 3, thành phố MT với số tiền 894.019.610 đồng là không có cơ sở pháp luật; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bác nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị H; bởi các lẽ sau:

Thứ nhất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00967 do UBND thành phố MT cấp ngày 29/11/2013 thì thửa đất số 317, 318 tờ bản đồ số 5; đất tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT là di sản thừa kế chưa lập thủ tục phân chia theo quy định của pháp luật; bà Nguyễn Thị H chỉ là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ hai, theo Văn bản thỏa thuận ngày 04/7/2013 giữa chị, em bà H xác định thửa đất số 317, 318 và căn nhà trên đất là tài sản của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D2 là cha, mẹ của bà H chết để lại, những người được hưởng thừa kế theo pháp luật chỉ thống nhất cử bà Nguyễn Thị H đại diện ghi tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở.

Thứ ba, theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập tại Phòng Công chứng CL vào ngày 03/4/2018 xác định trước khi ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D2 chết không có lập di chúc; những người được hưởng thừa kế di sản gồm: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Mỹ D1, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Mỹ Tr. Bằng văn bản vừa nêu, bà H, bà B, bà D1 thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ Tr 01 phần diện tích là 66,3m² (trong đó đất ở là 43,3m²) trong tổng diện tích 362,8m²; phần diện tích còn lại là 296,5m² văn bản thỏa thuận ghi rõ là chưa phân chia di sản thừa kế.

Thứ tư, sau khi triển khai quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Mỹ L gửi đơn ngăn chặn không đồng ý chi trả tiền bồi thường cho bà H khi chưa có sự đồng ý của những người thừa kế.

Như đã trình bày ở phần trên, phần đất thu hồi thuộc thửa đất số 317 và 318, tờ bản đồ số 5, là di sản thừa kế chưa phân chia và hiện tại đang phát sinh tranh chấp giữa những người thừa kế. Do vậy, UBND thành phố MT đề nghị Tòa án đưa những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật tham gia tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT, tỉnh Tiền Giang vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Q trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, không đồng ý để bà H đứng tên đại diện nhận tiền đền bù:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D1 trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, không đồng ý để bà H đứng tên đại diện nhận tiền đền bù.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H, không đồng ý để bà H đứng tên đại diện nhận tiền đền bù.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ Tr, bà Nguyễn Thị B trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, ông N và bà D2 không có tài sản, bà H là người đầu tiên đứng tên quyền sử dụng đất nên bà H có quyền nhận tiền theo quy định pháp luật. Yêu cầu UBND thành phố MT, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất chi trả tiền bồi thường cho bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2022/HC-ST ngày 04/7/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

+ Hủy một phần Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

+ Hủy một phần Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/7/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là người đăng ký kê khai các thửa đất số 317, 318 (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5), và đã được UBND thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là người đại diện cho các đồng thừa kế nên bà H được quyền nhận tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi thửa đất này. Mặt khác, các đương sự liên quan đã có khởi kiện vụ dân sự tranh chấp di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D2 đối với thửa đất số 22, nhưng đã rút đơn khởi kiện, nên bà H cần phải được nhận tiền bồi thường thửa đất này để có chi phí cho việc di dời căn nhà thờ trên đất, bàn giao mặt bằng cho dự án. Hơn nữa, tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất, không có hộ ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2 không đăng ký kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 22 nên thửa đất này không phải là di sản thừa kế của ông N và bà D2. Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố MT, tỉnh Tiền Giang trình bày với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật; Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật; các đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ vụ án, có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố MT có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh D, ông Nguyễn Minh Đ, ông Nguyễn Minh Th, Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về việc tiến hành tố tụng giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện;

[2.1] Tại Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020, UBND thành phố MT đã phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 1.521.465.410 đồng theo Quyết định số 7830/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND thành phố MT về việc phê duyệt Phương án và kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện đầu tư công trình Kè và Đường dọc sông BD (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT). Trong quá trình triển khai thi hành Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020 của UBND thành phố MT thì bà Nguyễn Thị Mỹ D1 và bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn khiếu nại không đồng ý việc UBND thành phố MT chi trả tiền bồi thường cho bà Nguyễn Thị H vì bà H chỉ là người đại diện cho các đồng thừa kế đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Vì vậy, ngày 31/12/2020 UBND thành phố MT ban hành Quyết định số 9706/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 7942/QĐ-UBND ngày 03/11/2020, cụ thể: *“Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị H, địa chỉ 228C NVG, Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, với số tiền 627.445.800 đồng. Lý do: Trùng kinh phí bồi thường với thửa đất số 317, 318 (thửa đất số 22 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tờ bản đồ số*

5, do bà Nguyễn Thị H đứng tên đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất với số tiền 894.019.610 đồng)". Đồng thời, UBND thành phố MT ban hành Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Nguyễn Văn N - bà Nguyễn Thị D2 (ông N, bà D2 đã chết, chưa phân chia di sản thừa kế); người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị H, với số tiền 894.019.610 đồng do bị ảnh hưởng bởi công trình Kè và Đường dọc sông BD (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT).

Sau đó, đến ngày 25/4/2022 UBND thành phố MT ban Quyết định số 3746/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung trích yếu, Điều 1, Điều 2 Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố MT, cụ thể:

1. Sửa đổi, bổ sung trích yếu như sau: “Về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi công trình Kè và Đường dọc sông BD (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT)”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau: “Điều 1. Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ đối với số tiền 894.019.610 đồng đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa đất số 317, tờ bản đồ số 5 và thửa đất số 318, tờ bản đồ số 5, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00967 ngày 29/11/2013, đất tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT cho những người thừa kế di sản theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn N do bà Nguyễn Thị H đứng đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau: “Điều 2. Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố có trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước Tiền Giang và Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố MT tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ ghi tại Điều 1 và thanh quyết toán đúng quy định”.

[2.3] Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H không đồng ý với Quyết định 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 3746/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của UBND thành phố MT vì cho rằng phần đất bị thu hồi do bà H đứng tên quyền sử dụng đất nên UBND thành phố MT phải bồi thường cho bà và bà được nhận số tiền đền bù đất này, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để thực hiện đầu tư công trình Kè và Đường dọc sông BD (đoạn từ khu tái định cư Phường 3 đến chân cầu NT), UBND thành phố MT đã ban hành Quyết định số 7826/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 về việc thu hồi thu hồi 44,1m²

đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 317 và 61,8m² đất thuộc thửa đất số 318, cùng tờ bản đồ số 5 (trong đó đất ở là 20,7m², đất trồng cây lâu năm là 44,1m²) trên tổng diện tích đất 362,8m², tọa lạc tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang, thuộc thửa đất số 22 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00967 ngày 29/11/2013 đứng tên bà Nguyễn Thị H.

Tuy nhiên, căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp thể hiện: Ngày 04/7/2013, các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2 gồm các bà: Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Mỹ D1, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Mỹ Tr có Văn bản thỏa thuận thống nhất cử bà Nguyễn Thị H đại diện ghi tên vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở thừa kế của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2. Trên cơ sở văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2, UBND thành phố MT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị H đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất. Đến ngày 03/4/2018, các đồng thừa kế của ông N, bà D2 tiếp tục lập Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế chia cho bà Nguyễn Thị Mỹ Tr diện tích 66,3m² thuộc thửa 316, tờ bản đồ số 5, tại Khu phố 7, Phường 3, thành phố MT. Trong đó, phần diện tích đất còn lại 296,5m² của quyền sử dụng đất nêu trên chưa phân chia di sản thừa kế. Như vậy, nội dung văn bản thỏa thuận đã xác định diện tích đất còn lại 296,5m² là di sản thừa kế chưa chia. Nên việc bà H cho rằng phần đất thửa 22 không phải là di sản thừa kế là không có căn cứ.

Từ các căn cứ nêu trên có đủ cơ sở xác định thửa đất số 22 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị D2. Bà Nguyễn Thị H là người đại diện cho các đồng thừa kế ghi tên vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, bà H không được các đồng thừa kế ủy quyền nhận số tiền bồi thường đền bù. Căn cứ khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất: *“Trường hợp diện tích đất thu hồi đang có tranh chấp về quyền sử dụng đất mà chưa giải quyết xong thì tiền bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp đó được chuyển vào Kho bạc Nhà nước chờ sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết xong thì trả cho người có quyền sử dụng đất.”* Theo đó, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố MT tạm giao số tiền bồi thường cho kho bạc Nhà nước quản lý, khi nào giải quyết tranh chấp xong thì chi trả cho người có quyền sử dụng đất là đúng quy định.

Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 và Quyết định số 3746/QĐUBND ngày 25/4/2022 được UBND thành phố MT ban hành là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, là đúng. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với ý kiến, quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày tại phiên tòa phúc thẩm do không phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố MT trình bày tại phiên tòa phúc thẩm do phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[6] Miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H do là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

1- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số: 22/2022/HC-ST ngày 04/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 32, Điều 116, khoản 1, 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 62, Điều 69 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1.1. Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

+ Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9705/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

+ Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3746/QĐUBND, ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

2- Về án phí hành chính phúc thẩm: Dương sự kháng cáo bà Nguyễn Thị H được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 21 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VP, NTHN (25b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đình Thanh